

CƠ SỞ LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA CỦA BẢN SẮC CHÂU ÂU

Ths. Bùi Hải Đăng

Đại học KHXH&NV - ĐH Quốc gia Tp.HCM

Tiến trình khu vực hóa ngày càng diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nơi trên thế giới mà biểu hiện của nó là sự hình thành các cộng đồng khu vực. Liên quan đến vấn đề này, có hai quan điểm khác nhau: (1) *Một số người xem khu vực hóa là một dạng toàn cầu hóa diễn ra trong phạm vi khu vực, (2) Khu vực hóa là một cách mà các nước nhỏ có sự gắn gũi về địa lý và từ đó chia sẻ nhiều lợi ích chung hợp tác với nhau chống lại tiến trình toàn cầu hóa và sự kiểm soát chi phối của các siêu cường* [Ham, Peter Van. 2001: 43]. Trong tiến trình ấy, các quốc gia trong một khu vực thường chịu sự tác động mạnh mẽ của hai lực trái chiều nhau: (1) *Lực hút tạo ra từ sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng tăng, mà chủ yếu là về kinh tế và chính trị, khiến các quốc gia liên kết và hợp tác với nhau; (2) Lực đẩy tạo ra từ những đòi hỏi, yêu cầu về quyền tự chủ, bản sắc và những đặc trưng văn hóa riêng (đôi khi chỉ là những quan ngại)* [Bui Hai Dang, 2006: 2]. Sự tác động của hai lực này vào tiến trình khu vực hóa ở mỗi nơi, mỗi khu vực trên thế giới rất khác nhau, được biểu hiện bởi mức độ liên kết và hợp tác của từng khu vực hay mức độ thể chế hóa các liên kết và hợp tác đó.

Ở châu Âu tiến trình khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ, bắt đầu từ năm 1951. Trong suốt hơn 50 năm qua, chúng ta có thể thấy lực hút tác động mạnh mẽ hơn lực đẩy, hay nói cách khác, lực hút đang thắng thế. Khi sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia châu Âu ngày càng tăng, không chỉ về lợi ích kinh tế mà còn là an ninh, chính trị..., thì lực hút này ngày càng mạnh, đã và đang kéo các dân tộc châu Âu lại gần nhau hơn, thúc đẩy và tăng cường hợp tác với nhau nhiều hơn. Sự phụ thuộc lẫn nhau có tính toàn diện này khác so với các khu vực khác bởi châu Âu có những điều kiện thuận lợi nhất định, trong đó phải kể đến sự hình thành và phát triển của một bản sắc chung, bản sắc châu Âu.

Bản sắc châu Âu chính thức được đưa ra bàn thảo tại Hội nghị thượng đỉnh của Cộng đồng Châu Âu (EC) ở Copenhagen năm 1973¹. Đây là một bước đi khá thành công về mặt chính trị [Bo Strath 2000: 14] mặc dù người ta mới chỉ đề cập một số nội dung của nó. Gần đây người ta nói nhiều, bàn nhiều hơn về bản sắc châu Âu, đặc biệt là sau khi EU mở rộng về phía Đông vào tháng 5 năm

¹ Xin xem thêm "Tuyên bố chung về bản sắc châu Âu" – Declaration on European identity tại Hội nghị Copenhagen 14.12.1973 trong Bản tin của Cộng đồng Châu Âu tháng 12 năm 1973, số 12 từ tr.118-122.

2004 và tháng 1 năm 2007 bởi sự đồng nhất văn hóa-xã hội của EU-15 dường như bị rạn nứt, nếu không muốn nói là bị phá vỡ. Giới lãnh đạo châu Âu xem bản sắc châu Âu như một loại keo gắn những rạn nứt đang tồn tại, kéo người châu Âu sát lại gần nhau hơn và góp phần làm giảm đi lực đẩy của tiến trình khu vực hóa ở châu Âu. Vì thế, việc thúc đẩy và phát triển bản sắc châu Âu trở nên cần thiết hơn bao giờ hết đối với sự phát triển bền vững của EU.

Bất kỳ một thực thể nào đều hình thành dựa trên những cơ sở nhất định, bản sắc châu Âu cũng vậy. Châu Âu về cơ bản cũng giống như các quốc gia đều là những cộng đồng tưởng tượng (imagined communities) [Anderson, 1991] nên bản sắc châu Âu hay bản sắc quốc gia đều là bản sắc cộng đồng, hình thành cùng với quá trình hình thành và phát triển của một thực thể chính trị. Vì vậy, việc xây dựng và phát triển bản sắc châu Âu không thể không dựa vào những luận thuyết hiện có về bản sắc quốc gia, bản sắc dân tộc. Với quan điểm này, xây dựng bản sắc châu Âu là tiến trình người châu Âu đi tìm và xác lập cái "chúng ta" hay nói một cách khác đây là tiến trình tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi sau: Chúng ta là ai? Chúng ta giống những ai? Chúng ta tin tưởng ai? Chúng ta trung thành với ai? và Với ai chúng ta có được sự đoàn kết?

"Chúng ta" với ý nghĩa như vậy có thể nhận thấy qua những liên kết tinh thần như lòng trung thành, niềm tin, tình đoàn kết, sự thấu cảm các thành viên với nhau. Chúng ta có thể tìm thấy cơ sở của những liên kết tinh

thần này ở 4 cấp độ khác nhau: 1. Những tương đồng cơ bản về lãnh thổ, phong cảnh hay môi trường tự nhiên; 2. Tương đồng về lịch sử, ký ức, truyền thống, tổ tiên chung (có thật hoặc chỉ là huyền thoại); 3. Tương đồng về văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, lối sống; 4. Tương đồng về ý thức hệ [Sztompka 2004: 5]. Bài viết này sẽ phân tích cơ sở văn hóa và lịch sử của bản sắc châu Âu, là cơ sở của những liên kết tinh thần thuộc cấp độ 2 và 3.

Cơ sở lịch sử

Nếu địa lý là không gian (những tương đồng cơ bản về lãnh thổ, phong cảnh hay môi trường tự nhiên thuộc cấp độ 1) thì lịch sử là thời gian của một cộng đồng khu vực. Sự gắn gũi về không gian địa lý tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ của các quốc gia hình thành sớm và được duy trì suốt chiều dài lịch sử. Lịch sử quan hệ lâu dài tạo dựng và củng cố các liên hệ nhiều mặt giữa quốc gia – cơ sở cho sự phát triển những mối quan hệ và hình thành những đặc điểm chung, trong đó có sự phát triển của bản sắc khu vực; bởi vì, lịch sử là một trong số những yếu tố quan trọng nhất tạo nên những đặc thù riêng, những vấn đề riêng, những quan niệm riêng và cách hành xử rất riêng với nhau và với các quốc gia thứ ba của một nhóm các quốc gia trong cùng khu vực.

Trong thời hiện đại, dù mức độ mạnh yếu khác nhau, lịch sử vẫn tiếp tục tác động lên ý thức khu vực, tình cảm khu vực, quan niệm về hợp tác khu vực và quá trình hình thành cộng đồng khu vực [Hoàng Khắc Nam, 2008: 26], trong đó có sự hình thành

của bản sắc khu vực. Sự tác động này ban đầu mang tính khách quan, tự nhiên, nhưng sau đó có thể mang tính chủ quan của con người (vì nhận thức được tầm quan trọng của bản sắc cộng đồng hay vì một mục đích nào đó mà các nhà lãnh đạo sử dụng lịch sử như một phương tiện/công cụ tác động). Như vậy, quá trình quan hệ lâu dài giữa các quốc gia dân tộc gần kề nhau là cơ sở cần phải xem xét kỹ lưỡng cho sự hình thành và phát triển cộng đồng khu vực và cùng với nó là sự ra đời của một bản sắc chung. Ở châu Âu, vai trò của lịch sử là dễ nhận thấy và rất quan trọng, nó góp phần tạo ra những hoàn cảnh và điều kiện chung cho các quốc gia châu Âu và từ đó là những giá trị chung.

Lịch sử quan hệ quốc tế ở châu Âu là các giai đoạn liên minh, liên kết hình thành các cộng đồng và chia cắt, phân ly nối tiếp nhau. Đây là một đặc điểm rất khác của châu Âu so với các quốc gia ở những khu vực khác trên thế giới. Ngay từ thời Cổ đại, đó là sự ra đời và phát triển của đế quốc La Mã. Cho đến khi La Mã sụp đổ, châu Âu lại bước vào giai đoạn Trung đại với sự hình thành của các cộng đồng Thiên chúa giáo. Chỉ đến thời kỳ Cận đại, cùng với sự hình thành và chi phối của ý thức về quốc gia-dân tộc (nation-state), sự phát triển lên đến cao trào của chủ nghĩa dân tộc, các quốc gia châu Âu mới hình thành trên cơ sở tách ra từ các cộng đồng và xu hướng ly khai Roma với sự chi phối của những thế lực mới. Tuy vậy, trước sự lớn mạnh của Pháp và tham vọng thống nhất châu Âu bằng bạo lực của Napoleon, các quốc gia châu Âu lại liên minh với nhau chống lại Pháp, chống lại Napoleon. Đến

thời kỳ hiện đại, chủ nghĩa dân tộc phát triển, cạnh tranh lợi ích quốc gia một cách gay gắt lại đẩy châu Âu vào thời kỳ chia cắt, phân ly; và xung đột lần này diễn ra với một phạm vi lớn hơn, có tính quốc tế (Thế chiến lần thứ I) kéo dài bốn năm từ 1914 đến 1918.

Sau khi Chiến tranh thế giới lần I kết thúc được khoảng 20 năm, Chiến tranh thế giới lần II nổ ra với qui mô và mức độ tàn khốc lớn hơn nhiều và cũng với tham vọng thống nhất châu Âu, thậm chí thống nhất cả thế giới bằng vũ lực của một dân tộc tự xưng là “thượng đẳng” [Bùi Huy Khoát, 2001: 17]. Một lần nữa các dân tộc châu Âu lại liên minh với nhau chống lại và chiến thắng chủ nghĩa phát xít. Cuộc chiến tranh này để lại những hậu quả khủng khiếp, trực tiếp tạo ra một thời kỳ bất ổn về chính trị, xã hội sau chiến tranh, không tạo môi trường thuận lợi để các quốc gia châu Âu hợp tác và liên kết với nhau.

Sự mất mát cả về người và của trong Chiến tranh thế giới thứ II là hậu quả nặng nề nhất mà nhân loại phải gánh chịu. Mặc dù cuộc xung đột này có qui mô toàn cầu rõ hơn cuộc Chiến tranh thế giới lần I, nhưng châu Âu lại là nạn nhân chính. Tổng số nạn nhân lên đến gần 40 triệu người², trong đó hơn một nửa là dân thường. Sự ngược đãi, phân biệt sắc tộc, tôn giáo và chính trị cùng với việc đẩy hàng loạt những người bị trục xuất thành lao động khổ sai..., góp phần khơi dậy

² “Châu Âu điêu tàn vì hậu quả của Chiến tranh thế giới lần II”, European Navigator, Étienne Deschamps: <http://www.ena.lu/> ngày 05.09.2009, dịch bởi the Centre Virtuel de la Connaissance sur l'Europe (CVCE).

sự thù địch giữa các dân tộc châu Âu với nhau. Ngoài ra, các quan hệ thương mại bị cắt giảm và bất kể ngành công nghiệp nặng nào hay các ngành sản xuất thiết yếu nào còn lại (do không bị chiến tranh tàn phá) đều hoạt động kém hiệu quả. Nhà xưởng và các tuyến giao thông bị phá hủy, thương mại truyền thống tê liệt, thiếu hụt vật liệu thô và thực phẩm. Cuộc chiến tranh bị kéo dài bởi nhiều mâu thuẫn, xung đột tồn tại từ trước nên lại một lần nữa chia rẽ các nước châu Âu. Rõ ràng Chiến tranh thế giới lần II ở một mặt nào đó khiến cho việc hòa giải giữa các dân tộc trở nên khó khăn hơn.

Mặt khác, chiến tranh và hậu quả của chiến tranh lại chính là điều kiện để ý tưởng về chủ nghĩa khu vực và liên kết khu vực xuất hiện sớm ở châu Âu. Cuộc chiến tranh thế giới lần II rõ ràng là một thảm họa đối với các nước châu Âu, cả với những nước thắng trận hay bại trận, đẩy các quốc gia này vào một hoàn cảnh khó khăn chung, kiệt quệ về mọi mặt. Trong lĩnh vực kinh tế, nếu so với năm 1937 thì giá trị sản lượng của Đức chỉ còn 31%, Pháp 75%, Italy 64%, Anh 96% [Đào Huy Ngọc, 1995: 12]. Ngoài ra, châu Âu lúc này chỉ còn đóng vai trò thứ yếu trên trường quốc tế bởi sự gia tăng sức mạnh và vị thế của Mỹ và Liên bang Xô viết cùng với sự thù địch ngày càng tăng giữa hai quốc gia này. Trong bối cảnh như vậy, một châu Âu bị chia năm xẻ bảy nhanh chóng nhận ra con đường để tồn tại và phát triển là phải cùng hợp tác với nhau và thiết lập các thể chế chung hiệu quả và nếu cần sẽ tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và quân sự của Mỹ. Đây cũng chính là thời điểm có

nhều bất ổn lớn về chính trị cùng với những căng thẳng sâu sắc về xã hội rất cần đến những giải pháp ngoại giao có tính sáng kiến cao, kể cả ở cấp độ khu vực.

Cuộc tranh luận về vị trí của nước Đức, nơi sự chia cắt Berlin là biểu tượng của châu Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh cùng với việc mất dần thuộc địa không cứu vãn được khiến châu Âu phụ thuộc ngày càng nhiều vào các lực lượng bên ngoài. Trước tình hình đó, các phong trào vì châu Âu và những người ủng hộ quan điểm liên bang bắt đầu hành động và thúc đẩy mãnh liệt ý tưởng hợp nhất châu Âu bắt đầu bằng việc thành lập Ủy ban quốc tế Phối hợp các phong trào Hợp nhất châu Âu (International Committee for the Coordination of Movements for European Unity). Vào tháng 5 năm 1948, họ cũng triệu tập Đại hội Hague, và từ đó nổi lên Phong trào Hợp nhất châu Âu (European Movement).

Quá trình tiếp xúc và tương tác như vậy mang lại cho lịch sử vai trò quan trọng đối với sự hình thành một bản sắc khu vực cũng như sự hình thành cộng đồng khu vực ở châu Âu với nhiều đặc điểm thuận lợi hơn nhiều so với các khu vực khác như Đông Nam Á hay Đông Á... Những thuận lợi có thể nhận thấy là: *Thứ nhất*, lịch sử đã chứng minh sự liên kết có chủ định hay không chủ định giữa các quốc gia châu Âu đã tạo ra những đặc điểm lịch sử chung. *Thứ hai*, hậu quả khốc liệt của các cuộc chiến làm bùng lên mối quan tâm hướng đến một châu Âu thống nhất, đoàn kết, không chiến tranh và thúc đẩy mạnh mẽ ước nguyện được sống trong

hòa bình. Thứ ba, trước một tình hình chính trị mới (sau Chiến tranh thế giới thứ II), nhằm đảm bảo vị trí siêu cường của mình và hạn chế ảnh hưởng của Liên Xô, Mỹ can dự vào châu Âu, tập hợp các nước Tây Âu vào các tổ chức kinh tế, chính trị do Mỹ cầm đầu như Hiệp định khung về Thuế quan và Mậu dịch (GATT), Hệ thống tiền tệ Bretton Woods, Tổ chức Hợp tác kinh tế Châu Âu (OEEC) năm 1948 với Kế hoạch Marshall, Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949. Điều này một mặt khiến các nước Tây Âu ngày càng phụ thuộc và gắn chặt với Mỹ, mặt khác giúp cho các nước này tái thiết lại sau chiến tranh và phục hồi phát triển kinh tế, trên cơ sở đó thúc đẩy hợp tác với nhau chặt chẽ hơn [Trần Thị Kim Dung, 2001: 12]. Rõ ràng sự can dự của Mỹ vào châu Âu sau Chiến tranh thế giới lần II đã góp phần tạo ra một “hoàn cảnh” chung nữa cho các quốc gia Tây Âu, trong đó kế hoạch Marshall chính là chất xúc tác cho liên kết khu vực ở châu Âu.

Cơ sở văn hóa

Về mặt lý thuyết, khu vực liên quốc gia được hình thành trên cơ sở là một nhóm các quốc gia trong khu vực có sự tương đồng nhất định, từ đó tạo nên sự khác biệt cơ bản so với các khu vực khác. Sự tương đồng của một khu vực được tạo dựng trên cơ sở của sự tương đồng về văn hóa, số phận lịch sử, kinh tế, chính trị hay trên phương diện đối ngoại...; trong đó, những tương đồng về văn hóa-xã hội thường có quá trình lâu dài nên có tính bền vững hơn. Chúng dễ mang lại ý

thức khu vực và tình cảm cộng đồng hơn. Sự tương đồng về văn hóa thường đến từ các yếu tố như chủng tộc, tôn giáo, ngôn ngữ và các giá trị khác. Xét về mặt lý thuyết, đây là những yếu tố nằm ở cấp độ thứ tư mang lại những liên kết về tinh thần hướng đến việc cấu thành một bản sắc chung [Bùi Hải Đăng 2006: 99]. Vì thế, cùng với lịch sử, văn hóa là cơ sở quan trọng nhất góp phần mang lại sự tương đồng của một khu vực, là nền tảng cho sự hình thành một bản sắc cộng đồng.

Trong khu vực học, tương đồng về văn hóa xã hội được xem là cơ sở để xác định khu vực. Thậm chí, do có sự vận động nên các tương đồng này không những có thể củng cố mà còn có thể làm thay đổi khuôn khổ địa lý của khu vực. Quan trọng hơn, các tương đồng đó còn là những sợi dây liên kết tình cảm, ý thức và hành vi giữa các quốc gia. Sự hình thành cộng đồng khu vực và bản sắc chung thường được hình thành trên cơ sở những tương đồng như vậy. Một bản sắc chung, đến lượt mình, tạo nên ý thức về khu vực tình cảm cộng đồng, khu biệt với các cộng đồng khác. Thực vậy, chủ nghĩa khu vực và sự hình thành cộng đồng khu vực ở nhiều nơi đang diễn ra theo vùng văn hóa.

Cơ sở văn hóa tạo nên những nét chung về giá trị, tình cảm cộng đồng với nhau. Những giá trị này tạo nên ý thức về khu vực, về “chúng ta” và về “cái của chúng ta” trên cơ sở phân biệt với “họ” và “cái thuộc về họ”, có nghĩa là tạo ra một bản sắc chung [Bùi Hải Đăng 2006: 99]. Sự chia sẻ những giá trị chung còn tạo nên sự đồng điệu trong ứng xử với nhau và với bên ngoài, nhất là

với “ta” và với “địch”, còn tình cảm là sợi dây gắn kết để hình thành nên cộng đồng. Tất cả những điều này đều có xu hướng thúc đẩy các quốc gia trong khu vực hướng về nhau nhiều hơn; Và trên cơ sở đó, bản sắc khu vực, chủ nghĩa khu vực và cộng đồng khu vực dễ được hình thành và phát triển. Những người theo quan điểm của chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh đến cơ sở văn hóa và bản sắc đối với sự hình thành khu vực vì cho rằng việc xác định khu vực theo tiêu chí địa lý là không thực, không tự nhiên và không bản chất, vì khu vực được xây dựng về mặt văn hóa, chính trị và xã hội nhiều hơn³.

Ở châu Âu văn hóa cũng đóng một vai trò quan trọng như vậy. Những giá trị chung của khu vực tác động mạnh mẽ đến sự hình thành chủ nghĩa khu vực và một bản sắc cộng đồng ở nơi đây. Những người theo quan điểm của chủ nghĩa kiến tạo (constructivism) đã rất chú trọng và nhấn mạnh đến yếu tố văn hóa đối với sự hình thành và phát triển của EU và cùng với nó là sự hình thành một bản sắc chung cho toàn châu Âu.

Thứ nhất, về phương diện văn hóa truyền thống, văn hóa Hy-La và những giá trị văn hóa và tư tưởng Thiên chúa giáo dường như thấm đượm trong mọi hoạt động đời sống của người dân châu Âu. Những giá trị này vốn dĩ có chung một nguồn gốc bắt nguồn từ truyền thống văn hóa Hy-La. Với sự lớn mạnh của mình, Hy Lạp từ thế kỷ thứ V TrCN đã bành trướng không chỉ sang phía

Đông mà còn sang cả phía Tây đến tận khu vực mà ngày nay là Pháp và Tây Ban Nha, rồi sang cả các hòn đảo hiện thuộc Anh, Ireland và Na Uy [Trần Phương Hoa, 2006: 11]. Sự bành trướng của Hy Lạp cũng đồng nghĩa với sự phổ biến những giá trị văn hóa Hy Lạp đến các quốc gia, vùng đất mà người Hy Lạp đặt chân đến hay thôn tính. Những giá trị văn hóa châu Âu có nguồn gốc từ thời kỳ Hy Lạp cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị của nó. Đó chính là những giá trị tạo nên: (1) Một hệ thống chữ viết chung, (2) Tính duy lý, (3) Xã hội dân chủ, (4) Chủ nghĩa cá nhân và (5) Tinh thần phản biện... trong văn hóa châu Âu [Radughin A.A (chủ biên) 2004: 302-334].

Ngay sau khi Hy Lạp lụi tàn, nhà nước La Mã hưng thịnh kế thừa hầu hết thành tựu của văn hóa Hy Lạp và có những điều chỉnh nhất định với tinh thần tinh táo hơn, xác thực hơn [Radughin A.A (chủ biên) 2004: 336]. Khi nói đến thời kỳ Hy Lạp, người ta quen dùng từ “Hy Lạp hóa” - hellenism để chỉ quá trình phổ biến các giá trị văn hóa Hy Lạp ra một phạm vi rộng lớn ở thời kỳ Đế quốc Macedonia (thời Alexander Đại đế). Đến thời La Mã, cùng với sự lớn mạnh và trở thành đế quốc La Mã, việc phổ biến các giá trị văn hóa La Mã không chỉ diễn ra do tương tác tự nhiên giữa bên mang đến và bên tiếp nhận như thời Hy Lạp mà còn là kết quả của những tác động có chủ ý, vừa cưỡng bức vừa tự nguyện. Rõ ràng với sức mạnh của đế chế La Mã, những giá trị văn hóa Hi-La được phổ biến rộng rãi hơn và có sức sống hơn nên tác động mạnh mẽ đến toàn bộ Tây Âu và các khu vực châu Âu khác từ phía Tây

³ Dẫn lại theo Edward D. Mansfield & Hellen V. Milner 1999: 591.

gồm các vùng đất mà ngày nay là Anh, Wales, Pháp, Bỉ, Luxemburg, một phần Hà Lan, Đức, Áo, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và các khu vực khác ngoài châu Âu [Trần Thị Phương Hoa, 2006: 11] hay nói ngắn gọn hơn là toàn bộ đất đai xung quanh biển Địa Trung Hải và xứ Wales. Với sức mạnh của mình, đế quốc La Mã trở thành “siêu cường” duy nhất thời cổ đại và phát triển lên đến đỉnh cao trong nhiều lĩnh vực, tạo cơ sở vững chắc làm nên và bổ sung nhiều giá trị và thành tựu mới cho văn hóa phương Tây như: tính thực dụng, linh hoạt, chính thể cộng hòa, luật pháp và chữ Latin.

Thứ hai, về phương diện tôn giáo, Kitô giáo được xem là nền tảng tinh thần của châu Âu [Radughin A.A, 2004: 348] và có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của văn hóa châu Âu mặc dù không phải là sản phẩm của châu lục này. Kitô giáo ra đời là sự kết hợp tài tình và nhuần nhuyễn giữa tư tưởng triết học phương Đông (giáo lý Do Thái giáo) và tư tưởng triết học phương Tây (chủ nghĩa Khắc kỷ-Stoicism). Trên cơ sở đó, Kitô giáo phát triển và nảy nở trên mảnh đất châu Âu, hình thành nên những ý niệm mới về tự nhiên và con người hòa hợp với truyền thống duy lý, tính thực dụng và chủ nghĩa cá nhân trong văn hóa châu Âu. Điều này rõ ràng không thể không tác động đến toàn bộ lịch sử châu Âu [Radughin A.A, 2004: 369]. Mặc dù ban đầu quan điểm của Kitô giáo thể hiện chủ yếu trong đời sống đạo đức – tinh thần, nhưng rồi chuyển dần vào thực tiễn, góp phần nhận thức tự nhiên và xây dựng xã hội, trở thành cơ sở của nhận thức trong khoa học

tự nhiên và khoa học nhân văn ở châu Âu [Radughin A.A, 2004: 369].

Trong suốt thời kỳ trung đại, Kitô giáo đè nén, cưỡng bức tự do, ý thức về tự do, dân chủ và cộng hòa của người dân châu Âu. Tuy nhiên, chính sự đè nén và kìm hãm này đã thúc đẩy, làm nên phong trào văn hóa Phục Hưng với tiêu chí xây dựng những giá trị văn hóa châu Âu mới (thực ra là làm phục sinh những giá trị văn hóa Hy-La) mà mục tiêu cao cả nhất là quyền tự do của con người. Đến thời kỳ cận đại, giá trị tự do của con người mới thật sự trở thành quyền con người từ Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ cho đến Hiến pháp 1972 của Cách mạng tư sản Pháp.

Ngoài ra, những giá trị Kitô giáo còn thấm đượm trong tư tưởng và đời sống của người dân nên ảnh hưởng mạnh mẽ của Kitô giáo không chỉ đem lại những tương đồng nhất định trong giá trị và niềm tin mà còn làm nảy sinh những chuẩn tắc xuyên biên giới. Giá trị tôn giáo đã trở thành giá trị dân tộc và từ đó trở thành điểm chung của khu vực, của các quốc gia-dân tộc trong khu vực. Kitô giáo quan trọng và gắn với châu Âu đến mức ngày nay từ “phương Tây” còn được sử dụng để chỉ đặc tính Kitô giáo phương Tây, xác định văn minh phương Tây theo hướng la bàn chứ không phải bằng cái tên của một dân tộc nào, tôn giáo hoặc vùng địa lý nào [Huntington S. 2003: 43].

Thứ ba, cả châu Âu chịu ảnh hưởng của văn hóa Hy-La và tư tưởng Kitô giáo. Điều đặc biệt là hai nền tư tưởng và văn hóa này lại tiếp thu và bổ sung lẫn nhau nên ở châu Âu giữa triết học và chính trị luôn có sự

tương tác mạnh mẽ. Ngay sự liên kết giữa vương quyền và thần quyền ở châu Âu cũng chặt chẽ, lâu bền, nhưng logic và rạch ròi hơn, ổn định hơn ở các khu vực khác trên thế giới. Do những điều kiện đặc thù về địa lý và lịch sử (như đã trình bày ở trên), sự phổ biến các tư tưởng triết học này ra toàn châu Âu dễ dàng, thuận lợi và sự tiếp nhận của các quốc gia cũng có tính hệ thống và hiệu quả hơn. Tính chung trong quan điểm triết học và triết học chính trị đã được xác lập ở châu Âu trên nền tư tưởng triết học Hy-La và Kitô giáo. Đặc điểm chung này tạo điều kiện cho sự gắn gũi về thế giới quan, quan điểm ứng xử và cơ sở lý luận cho hành vi đối ngoại. Như vậy, rõ ràng nền tảng tư tưởng và quan điểm triết học chính trị chung là thành tố cơ bản góp phần hình thành một bản sắc chung ở châu Âu.

Như vậy, trên cơ sở những giá trị chung về tư tưởng, văn hóa kể trên cùng với sự giao lưu, tương tác giữa các quốc gia do điều kiện gắn gũi về mặt địa lý và lịch sử lại tạo ra những giá trị chung, những giá trị cho toàn khu vực, khác hẳn với các khu vực khác, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia và dân tộc, giúp vượt qua những khác biệt tưởng chừng khó có thể vượt qua...

Thứ tư, trên phương diện ngôn ngữ và chữ viết, chữ viết châu Âu bắt nguồn từ bảng 24 chữ cái chi âm đầu tiên của loài người của người Phoenician (văn minh Lưỡng Hà). Người Hy Lạp khi kế thừa và với mục đích phục vụ cho phát triển thương nghiệp đã Hy Lạp hóa thành bảng chữ cái có 26 ký tự. Sau

này người Etrusque mang bảng chữ cái này vào các thành phố của mình ở miền nam bán đảo Italy, rồi phát triển thành hai nhánh. Nhánh thứ I gắn với nhà nước La Mã (khu vực đồng bằng Latium). Với khả năng linh hoạt, tính tôn chi về pháp luật của mình, người La Mã đã Latin hóa chữ viết Hy Lạp thành chữ Latin. Đến khi La Mã trở thành đế quốc thì Latin trở thành chữ viết chính thức, phổ biến trên toàn bộ Tây Âu vào thế kỷ XIV. Nhánh còn lại được Đế quốc Đông La Mã (395 TCN) truyền bá khắp bán đảo Balkan, khu vực Tiểu Á, Đông và Nam Âu, rồi hình thành ngữ chi Slavonic. Từ bảng 26 chữ cái của người Hy Lạp, các quốc gia Đông Âu ra đời từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ XIII đã xây dựng hệ chữ viết riêng của dân tộc mình.

Trên thực tế, ngôn ngữ vừa là phương tiện giao tiếp vừa là phương tiện truyền tải những giá trị văn hóa. Ngôn ngữ còn phản ánh quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa. Ở châu Âu, quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa lâu đời dẫn đến hiện tượng các ngôn ngữ thâm thấu vào nhau với tỉ lệ cao. Điểm này rõ ràng cũng góp phần làm tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia-dân tộc ở châu Âu, tạo ra những đồng cảm và từ đó có thể dễ dàng chia sẻ với nhau hơn. Có rất nhiều ngôn ngữ khác nhau được sử dụng ở châu Âu nên chẳng ai có thể phủ nhận được sự đa dạng về ngôn ngữ của châu lục này và mỗi một dân tộc thường có một ngôn ngữ riêng. Tuy nhiên, phần lớn các ngôn ngữ ở châu Âu đều thuộc ngữ hệ Ấn-Âu (Indo-European family). Từ cùng một ngữ hệ Ấn-

Âu, các ngôn ngữ ở châu Âu còn được phân chia thành các ngữ chi khác như Slavonic, Romanic, Germanic... Thực ra còn có một số cách khác phân chia các ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Ấn-Âu thành các ngữ chi. Các ngôn ngữ cùng ngữ chi có nhiều điểm tương đồng, ví dụ sự tương đồng giữa tiếng Czech, tiếng Slovak (Slovakia), tiếng Hungarian (Hungary) và tiếng Polish (Ba Lan); Tương tự như vậy với các quốc gia vùng Tây Âu (đa phần thuộc ngữ chi Romanic)... Việc cùng một ngữ chi giúp cho người dân ở khu vực ngữ chi này hiểu nhau dễ dàng hơn, dễ học ngôn ngữ của nhau hơn. Bên cạnh đó, do sự gần gũi về mặt địa lý nên có những tương đồng lịch sử nhất định làm cho người dân các nước này tiếp xúc với nhau thường xuyên hơn và mức độ tiếp xúc dày hơn; Cộng với lịch sử tương tác lâu dài tạo ra một đặc điểm mà chỉ ở châu Âu mới có, đó là một bộ phận không nhỏ người châu Âu có thể nói từ hai đến ba ngôn ngữ khác của các quốc gia cận kề.

Nếu so sánh với ngôn ngữ, mặt chủng tộc ở châu Âu có phần đa dạng hơn, nhưng các dân tộc ở châu Âu đều có nguồn gốc từ đại chủng Europeoid gồm các chủng Baltic, Trung Âu và Địa Trung Hải [Trần Ngọc Thêm, 2001: 33]. Mặc dù có sự đa dạng về tộc người, nhưng quá trình di cư lâu đời và tương tác với nhau đã tạo điều kiện cho người châu Âu giao lưu, tiếp xúc và trao đổi với nhau nhiều hơn cả về văn hóa tinh thần lẫn văn hóa vật chất. Đặc điểm này có được ngoài sự gần gũi về mặt địa lý và lịch sử còn do yếu tố mang tính loại hình của văn hóa châu Âu qui định, loại hình văn hóa gốc du

mục. Do điều kiện tự nhiên với địa hình là đồng cỏ, các dân tộc ở châu Âu sống bằng nghề chăn nuôi gia súc. Loại hình kinh tế du mục này buộc họ phải di chuyển nhiều tạo nên lối sống du cư [Trần Ngọc Thêm 2001: 38]. Và lối sống du cư này đã tạo điều kiện để các dân tộc ở châu Âu tiếp xúc và trao đổi với với nhau nhiều hơn các dân tộc có lối sống định cư gắn với loại hình kinh tế nông nghiệp ở phương Đông. Tuy nhiên, việc các dân tộc tiếp xúc với nhau nhiều thường gây ra không ít xung đột và chiến tranh. Đây là lý do các dân tộc châu Âu đánh chiếm lẫn nhau trong suốt lịch sử tồn tại của họ từ thời Hy Lạp cổ đại cho đến những năm đầu của thế kỷ XXI. Vì thế, nhiều nhà sử học đã có lý khi nhận định lịch sử châu Âu là lịch sử của các cuộc chiến hay lịch sử châu Âu thật ra là ký ức về các cuộc chiến [Montserrat Guibernau (Ed) 2001: 7]. Mặt khác, tiếp xúc kể cả trong hòa bình hay xung đột thường mang lại sự hiểu biết lẫn nhau. Đây cũng là lý do mà nhiều nhà chính trị học đã giải thích về sự xuất hiện sớm tiến trình hợp tác khu vực ở châu Âu.

KẾT LUẬN

Nhìn chung, tất cả những điểm vừa trình bày giúp chúng ta nhận thấy cơ sở lịch sử và văn hóa của châu Âu chứa đựng nhiều thuận lợi cho việc xây dựng bản sắc châu Âu.

Thứ nhất, sự tương đồng văn hóa, lịch sử và những giá trị chung được chia sẻ ở châu Âu là có thật, dễ tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau và sự đồng cảm giữa các quốc gia; là chất xúc tác cho mọi ý tưởng và sáng kiến hợp tác khu vực; là cơ sở quan trọng của chủ

nghĩa khu vực và sự hình thành của bản sắc khu vực.

Thứ hai, sự tương đồng trong văn hóa các quốc gia ở châu Âu có được từ nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh khác nhau, trong đó phải kể đến sự gần gũi về mặt địa lý, điều kiện tự nhiên qui định lối sống và loại hình văn hóa, từ đó các dân tộc châu Âu có lịch sử gần giống nhau, cùng gánh chịu những biến động lịch sử.

Thứ ba, những đặc điểm văn hóa do loại hình văn hóa qui định như: mờ, hướng ngoại, chủ nghĩa dân tộc không thật sự mạnh do tính cộng đồng yếu (so với các quốc gia thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp ở phương Đông)...rõ ràng đã mang lại thuận lợi cho nỗ lực hợp tác khu vực và sự hình thành của một bản sắc chung, bản sắc châu Âu, với một không gian địa lý rộng lớn hơn phạm vi lãnh thổ quốc gia (thường gắn với chủ nghĩa quốc gia/dân tộc và bản sắc dân tộc).

Trong khi chưa tìm ra một khung lý thuyết giải thích và phân tích nhằm đề ra những chính sách đồng bộ, có tính vĩ mô thúc đẩy và phát triển bản sắc châu Âu, việc nhấn mạnh những đặc điểm tương đồng về văn hóa, lịch sử trong nội dung từng chính sách là cần thiết và có giá trị rất lớn trong việc tạo dựng tinh cảm gắn kết cộng đồng, góp phần củng cố và thúc đẩy bản sắc châu Âu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, Benedict (1991): *Imagined communities. Reflections on the origin and spread of nationalism*. London: Verso.

2. Bo Strath (2000): *Europe and the other and Europe as the other*. Wien: PIE Lang (Series Multiple Europe, No.10).

3. Bùi Huy Khoát (2001): *Thúc đẩy thương mại - đầu tư giữa Liên hiệp Châu Âu và Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI*. NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Bùi Hải Đăng (2006): *Bước đầu tìm hiểu khái niệm "Bản sắc cộng đồng"*. Tập san Khoa học xã hội & nhân văn, số 37, tháng 12/2006.

5. Đào Huy Ngọc (chủ biên) (1995): *Liên minh Châu Âu*. NXB. Chính trị quốc gia.

6. Guibernau, M. (2001): *Introduction: Unity and Diversity in Europe*. Trong Guibernau, M. (biên soạn). *Governing European Diversity*. Sage Publication, tr.1-34.

7. Ham, Peter Van (2001). *European integration and post-modern condition: Governance, democracy, identity*. London, GBR: Routledge.

8. Hoàng Khắc Nam (2008): *Hợp tác đa phương ASEAN + 3: vấn đề và triển vọng*. NXB. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

9. Hungtington Samuel (2003): *Sự va chạm của các nền văn minh*. NXB. Lao động.

10. Radughin A.A (chủ biên) (2004): *Văn hóa học - những bài giảng*. NXB. Viện Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

11. Trần Thị Kim Dung (2001): *Quan hệ Việt Nam - Liên minh Châu Âu*. NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Trần Phương Hoa (2006): *Nhìn lại lịch sử châu Âu và tư tưởng về châu Âu*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 1 (67)/2006, tr.10-16.

13. Trần Ngọc Thêm (2001): *Tim về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB. Thành phố Hồ Chí Minh.